

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chứng nhận lần đầu ngày 07/11/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 19/01/2010)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số...../ĐKNY do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày . . . tháng . . . năm 2010)

Bản cáo bạch này được cung cấp tại:

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

Địa chỉ : Số 81 đường Trần Hưng Đạo – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại : (84 - 4).35121610 Fax: (84 - 4).35121611

Website : <http://www.vla.vn>

Email : info@vla.vn

Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long

Địa chỉ : Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại : (84 - 4) 3726 2600 Fax: (84 - 4) 3726 2601

Website : <http://thanglongs.com.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : Hoàng Thị Xuân Hòa

Chức vụ : Kế toán trưởng

Điện thoại : 04.35121610

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chứng nhận lần đầu ngày 07/11/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 19/01/2010)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ	: 10.800.000.000 (Mười tỷ tám trăm triệu) đồng
Tổng số lượng niêm yết	: 1.080.000 (Một triệu lẻ tám mươi ngàn) cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết	: 10.800.000.000 (Mười tỷ tám trăm triệu) đồng
Tổ chức kiểm toán	: Công ty hợp danh kiểm toán Việt Nam
Địa chỉ	: Số 17, Lô 2C, Khu đô thị Trung Yên, Phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp.Hà Nội
Số điện thoại giao dịch	: (84 – 4).37832121
Số fax giao dịch	: (84 – 4).37832122
Website	: http://www.cpvietnam.org
Email	: hanoi@cpvietnam.org
Tổ chức tư vấn	: Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long
Địa chỉ trụ sở chính	: Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Số điện thoại giao dịch	: (84 - 4). 37262600
Số fax giao dịch	: (84 - 8). 37262601

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	4
1.	Rủi ro về kinh tế	4
2.	Rủi ro về luật pháp	5
3.	Rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.....	5
4.	Rủi ro khác	6
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	7
1.	Tổ chức niêm yết	7
2.	Tổ chức tư vấn.....	7
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	7
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	9
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	9
2.	Ngành nghề kinh doanh.....	12
3.	Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	13
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông	14
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	16
6.	Hoạt động kinh doanh	16
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	22
8.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	24
9.	Chính sách đối với người lao động.....	26
10.	Chính sách cổ tức	27
11.	Tình hình hoạt động tài chính.....	28
12.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	33
13.	Tài sản	44
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	44
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	46
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	47
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán niêm yết.....	47
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	47
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	51
VII.	PHỤ LỤC	51

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng trong nó những rủi ro tiềm tàng nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản của nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, ...Doanh nghiệp - một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ thay đổi của các nhân tố ấy.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, những năm trở lại đây Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định. Giai đoạn 2003 – 2007, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình đạt 8,01%. Năm 2008, do ảnh hưởng chung từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt 6,23% và năm 2009 đạt 5,32%. Mặc dù nền kinh tế đang có dấu hiệu phục hồi trong năm 2009, nhưng xét trên góc độ tổng thể, kinh tế Việt Nam còn đối mặt với rất nhiều khó khăn. Vì vậy, việc xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh trong giai đoạn này đối với các doanh nghiệp thực sự là bài toán không đơn giản.

Lạm phát

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng tháng 02/2010 tăng 1,96% so với tháng 01/2010, chỉ số giá tiêu dùng tháng 03/2010 tăng 0,75% so với tháng 02/2010, mức tăng này là cao so với những tháng trước có nguyên nhân từ quy luật mùa vụ của dịp Tết, giá lương thực, thực phẩm tăng, giá vật liệu xây dựng và vận tải tăng, sắp tới là việc tăng giá xăng và giá điện (các yếu tố tác động đến chi phí sản xuất).

Việc chỉ số tiêu dùng có xu hướng tăng như vậy ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp do các yếu tố đầu vào tăng cao. Do vậy, các doanh nghiệp nói chung cũng như Công ty nói riêng phải chủ động chuẩn bị các biện pháp cần thiết trong trường hợp lạm phát tiếp tục tăng.

Lãi suất

Với dấu hiệu lạm phát trong những tháng gần đây, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ra Quyết định số 618/QĐ-NHNN ngày 25/03/2010 về việc quy định mức

lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 8%/năm, áp dụng từ ngày 01/04/2010. Như vậy, kể từ ngày 01/12/2009 đến nay (05 tháng liên tiếp), lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam liên tục được duy trì ổn định. Quyết định giữ nguyên lãi suất nói trên được đánh giá như một động thái nhằm ổn định giá cả và tránh tăng thêm chi phí vốn cho doanh nghiệp.

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng vốn tự có là chủ yếu nên sự biến động của lãi suất được xem là những rủi ro nhỏ trong kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Tỷ giá hối đoái

Đối với Công ty – một đơn vị hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, tỷ giá hối đoái cũng có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh do các máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được nhập khẩu qua đại lý phân phối. Tỷ giá thay đổi sẽ ảnh hưởng đến việc báo giá cho khách hàng.

Tuy nhiên, những biến động về tỷ giá ngoại hối ảnh hưởng không lớn đến tình hình doanh thu và lợi nhuận của Công ty, tới sự tăng trưởng và phát triển của Công ty trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần đồng thời niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản dưới luật và các quy định đối với công ty niêm yết, các quy định pháp luật chuyên ngành trong quá trình thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Trong bối cảnh thị trường nói chung đang thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao như

hiện nay thì nguồn nhân lực dành cho ngành công nghệ thông tin sẽ càng trở nên khó khăn và thường xuyên phải đối mặt với sự xáo trộn nhân sự cũng như chảy máu chất xám. Ý thức được việc này, Công ty luôn xây dựng và phát triển những chính sách nhân sự phù hợp (chính sách lương, thưởng...), hoạch định chiến lược tạo nguồn nhân lực, xây dựng các chính sách đãi ngộ và thăng tiến... nhằm thu hút nhân tài, tăng cường sự gắn kết giữa các thành viên trong Công ty. Hiện nay, có thể nói các chính sách của Công ty đã và đang đi đúng hướng bởi đã tạo ra được một lượng lao động có trình độ chuyên môn cũng như quản lý có chất lượng cao, đảm bảo thực hiện thành công những kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHCĐ, HĐQT đã đề ra. Tuy vậy, với sự cạnh tranh ngày càng tăng của ngành công nghệ thông tin nói chung và thị trường nhân sự trong ngành nói riêng, rủi ro bị mất các nhân sự quan trọng của Công ty có thể xảy ra, làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh rủi ro về nhân sự, những rủi ro đặc thù của ngành công nghệ thông tin như sự soán ngôi nhanh chóng của các công nghệ mới, cường độ cạnh tranh cao, rò rỉ bí quyết công nghệ... đặt ra rất nhiều thách thức. Vì vậy, Công ty luôn có sự quan tâm và đầu tư xứng đáng cho công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm dịch vụ, kiểm soát và đo lường các yếu tố rủi ro, kiểm soát nội bộ, việc xây dựng chính sách và quy chế quản trị, thực hiện các nghiên cứu thăm dò thị trường... để có những dự báo chính xác và đảm bảo sự chủ động, linh hoạt và khoa học cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

4. Rủi ro về đầu tư tài chính

Vốn điều lệ của Công ty hiện tại theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10,8 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty đã thực hiện đầu tư tài chính với số tiền 06 tỷ đồng, cụ thể:

- Công ty mua 2 tỷ đồng cổ phiếu của Công ty cổ phần Sách – Thiết bị trường học Hà Tây với giá mua bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần).
- Công ty thực hiện ủy thác mua bán chứng khoán với số tiền 04 tỷ đồng theo hợp đồng ủy thác mua bán chứng khoán số 01/UTMBCK-VLA/2010 ngày 15/03/2010 giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang và Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Thiên Hóa. Trong hợp đồng ủy thác đầu tư đã nêu rõ, Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Thiên Hóa đảm bảo lợi nhuận yêu cầu tối thiểu của khoản ủy thác đầu tư (04 tỷ đồng) không ít hơn lãi suất ngân hàng tại thời điểm giao dịch.

Để giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra đối với khoản đầu tư tài chính trên, Công ty thường xuyên liên hệ với đối tác đầu tư, cập nhật tình hình tài chính trong nước và thế

giới và có những biện pháp giảm thiểu rủi ro.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa v.v...là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Ông Vũ Trung Chính	Chức vụ: Giám đốc
Bà Hoàng Thị Xuân Hòa	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật	: Ông Lê Đình Ngọc
Chức vụ	: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức niêm yết Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang.
- Công ty kiểm toán Công ty hợp danh Kiểm toán Việt Nam là công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang.

- **Bản cáo bạch** Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- **Điều lệ** Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang thông qua.
- **Cổ đông** Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần đã phát hành của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang.
- **Cổ tức** Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty sau đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- **Tổ chức tư vấn** Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long.
- **Những người có liên quan** Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - Công ty mẹ và công ty con (nếu có).
 - Công ty và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của công ty đó thông qua các cơ quan quản lý công ty.
 - Công ty và những người quản lý công ty.
 - Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty.
 - Bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của người quản lý công ty, thành viên công ty, cổ đông có cổ phần chi phối.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- **Công ty** Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

▪ V.L.A	Tên viết tắt của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang
▪ Điều lệ	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang
▪ TLS	Tên viết tắt của Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long
▪ TSCĐ	Tài sản cố định
▪ TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
▪ CP	Cổ phần
▪ ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
▪ HĐQT	Hội đồng quản trị
▪ BKS	Ban Kiểm soát
▪ GD	Giám đốc
▪ NXBGDVN	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
▪ ĐKNY	Đăng ký niêm yết
▪ UBCKNN	Ủy ban chứng khoán nhà nước
▪ BCTC	Báo cáo tài chính
▪ CBNV	Cán bộ nhân viên
▪ UBND	Ủy ban nhân dân
▪ CNTT	Công nghệ thông tin

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang là đơn vị thành viên của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chứng nhận lần đầu ngày 07/11/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 09/01/2010 . Lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Công ty là phát triển và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông

tin. Ngoài ra, Công ty còn tham gia đầu tư tài chính, chứng khoán, kinh doanh bất động sản.

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang ra đời là một phần trong định hướng xây dựng Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam trở thành tập đoàn lớn mạnh chuyên về lĩnh vực Sách – Thiết bị giáo dục. Nhiệm vụ chính của Công ty là xây dựng, phát triển các sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin vào quy trình sản xuất kinh doanh và quản lý trong toàn hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, đồng thời mở rộng thị trường trong phạm vi toàn ngành giáo dục nhằm hướng tới xây dựng hệ thống quản lý thông tin đảm bảo tính thống nhất, ứng dụng vào toàn bộ hệ thống quản lý trường học, thư viện, phục vụ cho việc phát hành sách - thiết bị cho các công ty sách - thiết bị trường học, hệ thống siêu thị trên toàn quốc. Với những lợi thế về ngành, tập thể cán bộ công nhân viên trẻ trung, năng động, Công ty đang tập trung đầu tư phát triển các sản phẩm mang tính cộng đồng, phục vụ tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của NXBGDVN nói riêng và ngành giáo dục nói chung.

1.2 Một số thông tin cơ bản về Công ty:

- Tên Công ty: **Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang**
- Tên tiếng Anh: **Van Lang Technology Development and Investment Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **VLA**
- Trụ sở chính: Số 81 đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội
- Điện thoại : (84 – 4).35121610
- Fax: (84 – 4).35121611
- Website: www.vla.vn
- Email: info@vla.vn
- Biểu tượng Công ty:



- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chứng nhận lần đầu ngày 07/11/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 19/01/2010.
 - Tài khoản: 102.010.000.566.403 tại Ngân hàng TMCP Công thương, chi nhánh Ba Đình, Hà Nội.
 - Mã số thuế: 0102459018
 - Vốn điều lệ:
 - Khi mới thành lập (*): 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng)
- (*): Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 03 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 01/01/2008, số vốn thực góp của Công ty là 1.361.900.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2008, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang đã góp đủ số vốn điều lệ 03 tỷ đồng theo đúng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Luật Doanh nghiệp năm 2005.
- Hiện tại : 10.800.000.000 đồng (Mười tỷ tám trăm triệu đồng).

Quá trình tăng vốn Điều lệ của Công ty:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 02 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ Công ty từ 03 tỷ đồng lên 10,8 tỷ đồng (tương ứng phát hành thêm 780.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần), tính đến ngày 20/01/2010, Công ty đã phát hành thành công thêm 7,8 tỷ đồng vốn điều lệ. Toàn bộ 10,8 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang đã được Công ty hợp danh Kiểm toán Việt Nam xác nhận trong báo cáo kiểm toán vốn số 79/2010/BCKT-BCGV/CPA VIETNAM.

(Đơn vị tính: đồng)

Thời điểm	Nguồn tăng	Vốn điều lệ	Vốn nhà nước	Tỷ lệ
Khi thành lập		3.000.000.000	900.000.000	30%
Lần 1 (Tháng 12/2009)	- Phát hành thêm: 7.800.000.000	10.800.000.000	1.080.000.000	10%

- Công ty phát hành thêm 7,8 tỷ đồng vốn điều lệ cho các đối tượng sau:
 - Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tương ứng là 600.000.000 đồng:
 - Tổng số cổ đông hiện hữu: 34 cổ đông.

- Tỷ lệ trả cổ tức: 20%/vốn điều lệ, tương ứng là 60.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
- o Phần vốn điều lệ phát hành thêm là 7,2 tỷ đồng, tương ứng 720.000 cổ phần được phát hành, cụ thể:
 - Phạm vi phát hành: Phát hành cổ đông hiện hữu.
 - Phương pháp phát hành: bán toàn bộ số cổ phần trên cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo tỷ lệ vốn góp:
 - ✓ Số lượng cổ phần phát hành: 720.000 cổ phần
 - ✓ Giá bán: 10.000 đồng/cổ phần
 - Tỷ lệ phát hành: Cổ đông hiện hữu cứ sở hữu 01 cổ phần thì được quyền mua 02 cổ phần mới phát hành thêm (tính theo số cổ phần đã được tính lại theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tính cả số cổ phiếu thưởng ở trên).
- Mục đích của việc phát hành tăng vốn:
 - Kinh doanh bất động sản và tham gia đấu thầu các dự án về cung cấp thiết bị trường học.
 - Đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Cơ cấu lại nguồn vốn và bổ sung vốn lưu động phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Ngành nghề kinh doanh

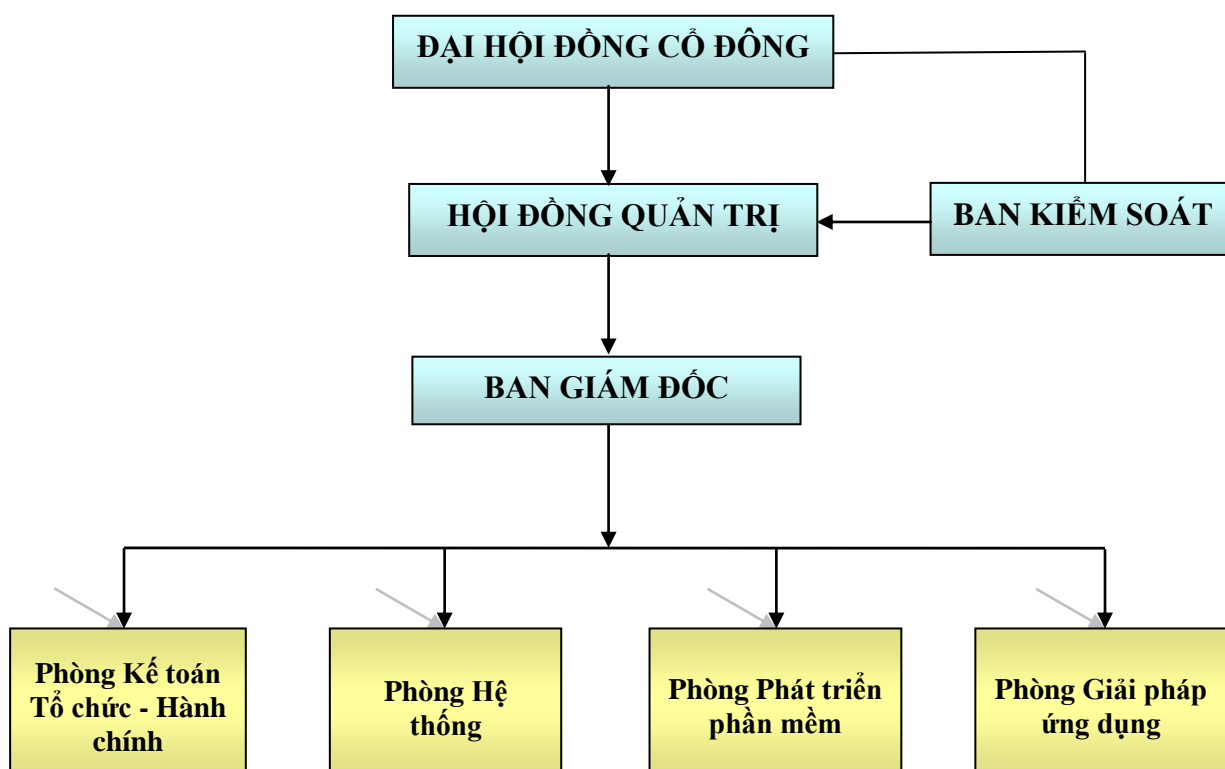
- Sản xuất phần mềm quản lý trong các lĩnh vực: kế toán, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, phát hành, kho tàng, quản lý xuất bản, siêu thị;
- Xây dựng hệ thống website về thông tin, quảng cáo, bán hàng trên mạng và các dịch vụ trên internet;
- Buôn bán máy tính, dịch vụ bảo trì hệ thống, đại lý cung cấp phần mềm;
- Đào tạo, hướng nghiệp và dạy nghề điện tử, tin học, ngoại ngữ (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);
- Quản trị doanh nghiệp và chuyển giao công nghệ điện tử, tin học, dịch vụ thương mại;
- Phát triển kinh doanh, đầu tư dự án;
- Tổ chức hội trợ triển lãm, hội nghị, hội thảo;

- Tư vấn cung cấp giải pháp công nghệ điện tử và thông tin thị trường (trừ thông tin Nhà nước cấm);
- Buôn bán bán thảo;
- Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm ngành giáo dục;
- In và các dịch vụ liên quan đến in (theo quy định của pháp luật hiện hành);
- Kinh doanh đồ dùng thiết bị dạy học, thiết bị văn phòng;
- Tổ chức hoạt động sáng tác, phóng tác, chuyển thể, nghiên cứu, dịch thuật sách giáo dục;
- Kinh doanh siêu thị./.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, các Luật khác và điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua vào ngày 15 tháng 01 năm 2010.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG



3.1 Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

3.2 Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

3.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát được tổ chức khi có các cổ đông chiến lược tham gia góp vốn. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

3.4 Ban Giám đốc

Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

3.5 Khối tham mưu

Gồm các phòng, ban có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám đốc. Khối tham mưu của Công ty gồm Phòng Kế toán - Tổ chức – Hành chính, Phòng Hệ thống, Phòng phát triển phần mềm, Phòng Giải pháp ứng dụng.

4. Cơ cấu cổ đông; Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 15/03/2010

4.1 Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/03/2010

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	102	1.080.000	10.800	100,0%
1	Cổ đông tổ chức	2	314.400	3.144	29,1%
2	Cổ đông cá nhân	100	765.600	7.656	70,9%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0
	Tổng cộng	102	1.080.000	10.800	100,0%

Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại ngày 15/03/2010

Tên cổ đông	Địa chỉ	Người đại diện	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần	Giá trị (trđ)	Tỷ lệ/VĐL
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	81 Trần Hưng Đạo – Hoàn Kiếm – Hà Nội	Nguyễn Thanh Tùng	0106000128	108.000	1.080	10,0%
CTCP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa	81 Trần Hưng Đạo – Hoàn Kiếm – Hà Nội	Nguyễn Thanh Tùng	0103042134	206.400	2.064	19,1%
Huỳnh Thị Thanh Hiền	38 Hoàng Diệu – Đà Nẵng		201327478	95.000	950	8,8%
TỔNG CỘNG				409.400	4.094	37,9%

(Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

4.3 Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần	Giá trị (trđ)	Tỷ lệ/VĐL
Nhà xuất bản Giáo dục	81 Trần Hưng Đạo –	0106000128	108.000	1.080	10,0%

Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần	Giá trị (trđ)	Tỷ lệ/VĐL
Việt Nam <i>Đại diện phần vốn NN:</i> Nguyễn Thanh Tùng	Hoàn Kiếm – Hà Nội				
Nguyễn Thanh Tùng	B15 ngõ 191/46 Lạc Long Quân - Xuân La - Tây Hồ - Hà Nội	012370268	12.000	120	1,1%
Lê Thành Anh	P910 OCT2-ĐN2 Bắc Linh Đàm-Đại Kim- Hoàng Mai-Hà Nội	012968200	12.000	120	1,1%
TỔNG CỘNG			132.000	1.320	12,2%

(Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

Ghi chú: Theo khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp năm 2005, cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng số cổ phần sáng lập của mình trong thời hạn là 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu (ngày 07 tháng 11 năm 2007).

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

- ❖ *Công ty mẹ của tổ chức đăng ký niêm yết:* Không có.
- ❖ *Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết:* Không có.
- ❖ *Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:* Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty

Hiện nay, các hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

❖ **Sản phẩm:**

- Phần mềm Quản trị doanh nghiệp: Kế toán, bán hàng, siêu thị, quản lý nhân sự, quản lý cổ đông, quản lý thư viện, trường học,...Đặc biệt là các phần mềm chuyên ngành cho lĩnh vực xuất bản – in – phát hành.

❖ **Dịch vụ:**

- Dịch vụ bảo trì hệ thống mạng và máy tính các khu văn phòng.
- Dịch vụ thiết kế, xây dựng và quản trị website.
- Dịch vụ hosting, đại lý cung cấp tên miền.
- Thiết kế và thi công hệ thống mạng điện nhẹ viễn thông, các công trình cao ốc, văn phòng.
- Dịch vụ lắp đặt hệ thống âm thanh, camera và các dịch vụ truyền thông khác.
- Dịch vụ hội nghị truyền hình (Video conference).
- Sản xuất và phát hành sách điện tử.

6.2 Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm

TT	DIỄN GIẢI	Năm 2008		Năm 2009		% Tăng/giảm Doanh thu năm 2009 so với 2008
		Doanh thu (đồng)	Tỷ trọng	Doanh thu (đồng)	Tỷ trọng	
1	Doanh thu về cung cấp, xây dựng phần mềm và các dịch vụ phần mềm	1.775.276.000	27,09%	1.943.600.000	39,06%	+ 9,48%
2	Doanh thu về kinh doanh mạng, máy tính, truyền thông và các dịch vụ khác	4.777.068.691	72,91%	3.032.714.756	60,94%	- 36,52%
	Tổng cộng	6.552.344.691	100%	4.976.314.756	100%	- 24,05%

(Nguồn: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

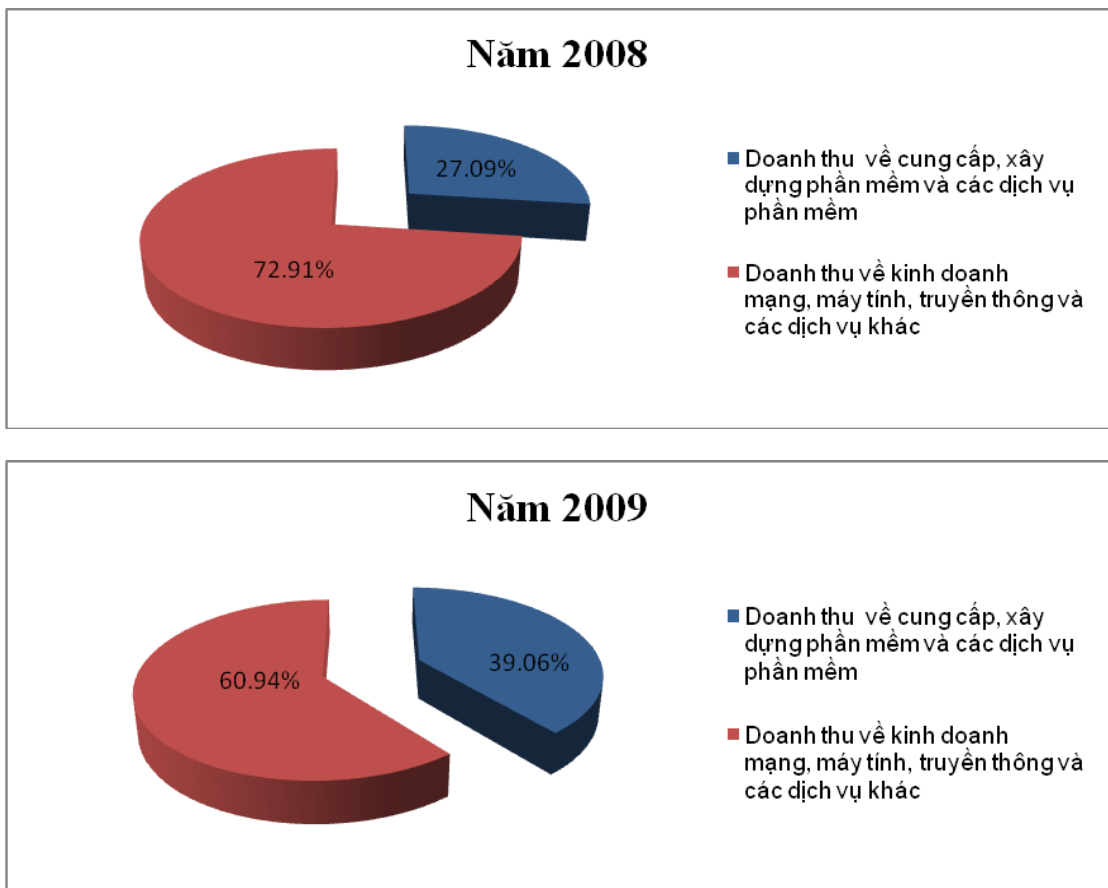
Tình hình thực hiện doanh thu của Công ty trong 2 năm 2008, 2009 cụ thể như sau:

- Lĩnh vực cung cấp, xây dựng phần mềm và các dịch vụ phần mềm chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu doanh thu lợi nhuận của Công ty, duy trì được tốc độ tăng trưởng ổn định và tiếp tục là một trong những đầu tàu tăng trưởng trong các năm tới. Doanh thu năm 2009 trong lĩnh vực cung cấp, xây dựng phần mềm và các dịch vụ phần mềm tăng 9,48% so với năm 2008 là do năng lực cung cấp dịch vụ phần mềm của Công ty đã được đầu tư bài bản và có nhiều cải thiện trong những năm qua. Công ty đã đáp ứng được yêu cầu khắt khe của khách hàng, nhiều hợp đồng cung cấp, xây dựng phần mềm và dịch vụ phần mềm đã được ký kết tạo ra một

giai đoạn mới cho sự phát triển và tăng tốc của lĩnh vực này. Đây sẽ là lĩnh vực có sự tăng trưởng cao trong thời gian tới của Công ty.

- Doanh thu lĩnh vực kinh doanh mạng, máy tính, truyền thông và các dịch vụ khác năm 2009 có giảm so với năm 2008 là do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2009, gây khó khăn cho việc ký kết các hợp đồng cung cấp về mạng, máy tính, truyền thông và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty đã linh hoạt thay đổi chiến lược phát triển, tập trung đầu tư vào mảng xây dựng phần mềm và các dịch vụ phần mềm, đưa doanh thu mảng hoạt động này năm 2009 tăng so với năm 2008, và đưa lợi nhuận trước thuế của cả Công ty năm 2009 tăng 31,4% so với năm 2008 (lợi nhuận trước thuế năm 2009 là 893.651.725 đồng, lợi nhuận trước thuế năm 2008 là 680.093.996 đồng).

Cơ cấu doanh thu các lĩnh vực kinh doanh chính Công ty năm 2008, 2009



6.3 Chi phí kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi phí sản xuất	31/12/2008	31/12/2009	%Tăng/giảm	31/03/2010
----	------------------	------------	------------	------------	------------

	kinh doanh					chi phí SXKD năm 2009 so với năm 2008		
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT		Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn hàng bán	4.260.999.660	65,0%	3.338.510.004	67,1%	-21,6%	1.172.769.678	52,1%
2	Chi phí tài chính	1.000.000.000	15,3%	36.446.325	0,7%	-96,4%	-	-
3	Chi phí bán hàng	88.090.245	1,3%	60.553.164	1,2%	-31,3%	56.383.636	2,5%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	714.850.210	10,9%	938.953.127	18,9%	+ 31,3%	242.024.476	10,8%
5	Chi phí khác	-	-	17.662.714	0,4%	0%	-	-
	Tổng cộng	6.063.940.115	92,5%	4.392.125.334	88,3%	-27,6%	1.471.177.790	65,4%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và quý 1/2010 của CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

Chi phí hoạt động của Công ty có xu hướng giảm trong năm 2009, cụ thể như sau:

- Trong năm 2009, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế khiến doanh số mảng kinh doanh mạng, máy tính, truyền thông và các dịch vụ khác giảm. Đồng thời, chi phí mảng này thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, chi phí giá vốn năm 2009 đã giảm 21,6% so với năm 2008.
- Chi phí bán hàng năm 2009 của Công ty giảm so với năm 2008 là do Công ty đã cắt giảm đáng kể chi phí cho hoạt động quảng bá sản phẩm so với những năm đầu thành lập bởi hoạt động kinh doanh của Công ty đã dần đi vào ổn định, tạo được uy tín đối với các khách hàng, phát triển được mạng lưới khách hàng ổn định.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2009 tăng so với năm 2008 do trong năm 2009 Công ty đã đẩy mạnh mở rộng hoạt động kinh doanh, tăng nguồn nhân lực và do tác động của các yếu tố khách quan ngoài thị trường.
- Trong năm 2008, Công ty có khoản đầu tư chứng khoán và đã trích lập quỹ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn là 1 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong năm 2009, Công ty đã hiện thực hoá một phần lớn lợi nhuận từ khoản đầu tư chứng khoán và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm 2008. Do đó, chi phí tài chính năm 2009 giảm 96,4% so với năm 2008.

6.4 Trình độ công nghệ

Bắt kịp với sự phát triển vượt bậc về công nghệ thông tin, Công ty đã và đang sử dụng

các công nghệ tiên tiến nhất trong lĩnh vực công nghệ thông tin như:

- Về lĩnh vực phát triển phần mềm: Công ty đã sử dụng các công cụ phát triển phần mềm như: Devexpress.NET, SQL Server, BEA Weblogic (BEA), Oracleas Portal 10G (Oracle), Sun Java System Portal Server, Vignette Application Portal (Vignette), Metadot cùng với các cán bộ thành thạo công nghệ Microsoft (NET, Sharepoint, LinQ, WCF, WPF, Workflow, Silverlight, Infopath, Biztalk, Workflow, Exchange,...).
- Về quản trị hệ thống mạng: Nhiều công nghệ hiện đại đã được Công ty triển khai trong thực tế như: công nghệ mạng riêng ảo – VPN, mạng nội bộ ảo VLAN.
- Công ty đã thu hút được các cán bộ có chuyên môn cao trong việc quản trị mạng và hệ thống mạng máy tính, thiết kế thi công các công trình điện nhẹ viễn thông. Bên cạnh đó, các cán bộ đang công tác tại Công ty đã và đang theo học các khóa đào tạo của IBM, HP, Microsoft, Cisco, Alcatel, Nortel, Checkpoint, RSA, ISS. Các bằng cấp, chứng chỉ hiện có (CCNA, CCNP, MCSA, MCSE, CEH) và một số học viên đang theo học đã tạo dựng nên đội ngũ cán bộ giàu năng lực, ổn định vững chắc cho sự phát triển của Công ty.

6.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Tất cả các sản phẩm của Công ty trước khi đưa ra thị trường đều được kiểm tra một cách kỹ lưỡng. Cụ thể như sau:

- Với các sản phẩm, linh kiện phần cứng (bao gồm linh kiện máy tính, các hệ thống âm thanh, camera, video conference, v.v): Các sản phẩm này đều được nhập trực tiếp từ các nhà phân phối lớn về Công ty, được các nhân viên, kỹ thuật viên trình độ cao của Công ty kiểm tra nguồn gốc, tình trạng hiện tại và đảm bảo các sản phẩm, linh kiện đạt tiêu chuẩn chất lượng yêu cầu trước khi bàn giao, lắp đặt cho khách hàng.
- Với các sản phẩm phần mềm: Các sản phẩm phần mềm đều được Công ty kiểm tra kỹ lưỡng tính chính xác, tính ổn định, tính ứng dụng và khả năng đáp ứng các yêu cầu đa dạng của nhiều nhóm khách hàng khác nhau.

6.6 Hoạt động Marketing

Cùng với việc đầu tư mở rộng và phát triển các hoạt động sản xuất, công tác quản lý chất lượng, công tác tiếp thị là một trong những khâu quan trọng, đóng góp tích cực vào hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động này đã và đang được Ban lãnh đạo Công ty chú trọng xây dựng, củng cố. Cụ thể trong thời gian qua, Công ty đã có các hoạt động sau:

- Công ty đã gửi danh mục và giới thiệu về các dịch vụ về phần mềm, thiết bị máy tính tới các khách hàng trên toàn quốc.
- Tham dự các hội thảo về công nghệ thông tin, các hội thảo nghiệp vụ chuyên đề nhằm quảng bá về Công ty và các sản phẩm của Công ty.
- Ngoài ra, Công ty còn lập một website riêng www.vla.vn nhằm giới thiệu, quảng bá hình ảnh Công ty tới khách hàng nhanh hơn, thuận tiện hơn.

Thông qua các hoạt động Marketing, Công ty đã và đang nỗ lực xây dựng và quảng bá thương hiệu, mở rộng mạng lưới đại lý cung ứng sản phẩm đến tận các địa phương trong cả nước. Nhờ đó, Công ty có thể phục vụ đầy đủ và kịp thời nhu cầu của các doanh nghiệp trong ngành giáo dục nói riêng và ngành công nghệ thông tin nói chung.

6.7 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Biểu tượng logo của Công ty:



- Ý nghĩa của logo: Phần chính trong logo của Công ty là logo của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam – thể hiện Công ty là đơn vị thuộc hệ thống Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam. Logo của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam đã đăng ký với Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam. Kết hợp với logo của Nhà xuất bản là tên viết tắt của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang.

- Website của Công ty là: www.vla.vn

6.8 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Tên đối tác trong hợp đồng	Sản phẩm, dịch vụ ký kết	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời gian thực hiện
1	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Truyền số liệu phần mềm	852.000.000	2010
2	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Xây dựng phần mềm quản lý đề tài	380.000.000	2010
3	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Xây dựng phần mềm quản lý nhân sự	360.000.000	2010
4	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Bảo trì mạng, máy tính, website	768.000.000	2010
5	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Lắp đặt hệ thống âm thanh, camera	232.000.000	2010
6	Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bảo trì mạng, máy tính, các PM quản lý	396.000.000	2010
7	Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Lắp đặt hệ thống âm thanh	250.000.000	2010
8	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Hội nghị truyền hình	1.900.000.000	2010
Tổng cộng			5.138.000.000	

(Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SX KD của công ty trong năm gần nhất

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	%Tăng/ giảm của năm 2009 so với 2008	Quý 1/2010
Tổng giá trị tài sản	3.796.792.539	11.730.760.626	+ 208,97%	12.932.700.377
Doanh thu thuần	6.552.344.691	4.976.314.756	-24,05%	2.250.243.532
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.291.345.031	1.637.804.752	-28,52%	1.077.473.854
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	680.093.996	893.651.725	+31,40%	
Lợi nhuận khác	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	680.093.996	893.651.725	+31,40%	1.005.247.955
Lợi nhuận sau thuế	680.093.996	863.899.300	+27,03%	905.049.582

Cổ tức	10%	20%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	44,11%	69,5%	-	-

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC quý 1/2010 của CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2009 đã gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thể hiện qua chỉ tiêu doanh thu thuần năm 2009 giảm so với năm 2008. Tuy nhiên, năm 2009, lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn tăng 27,03% so với năm 2008 là do:

- Công ty đã thực hiện cắt giảm chi phí bán hàng bởi hoạt động kinh doanh của Công ty đã dần đi vào ổn định, tạo được uy tín đối với các khách hàng, phát triển được mạng lưới khách hàng ổn định.
- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty năm 2009 tăng so với 2008 do Công ty thu được lãi đầu tư cổ phiếu.
- Trong năm 2008, Công ty có khoản đầu tư chứng khoán và đã trích lập quỹ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn là 1 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong năm 2009, Công ty đã hiện thực hoá một phần lớn lợi nhuận từ khoản đầu tư chứng khoán và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm 2008. Do đó, chi phí tài chính năm 2009 giảm 96,4% so với năm 2008.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi:

- Thông qua việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 03 tỷ đồng lên 10,8 tỷ đồng trong năm 2009 đã giúp Công ty chủ động hơn về vốn kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính, mở rộng hoạt động đầu tư trong những năm tiếp theo.
- Hầu hết các đơn vị thành viên (tính đến thời điểm hiện tại có hơn 50 đơn vị) trong hệ thống NXBGDVN là khách hàng thường xuyên sử dụng các sản phẩm phần mềm quản lý của Công ty.
- Thiết lập được mạng lưới khách hàng và nhà cung cấp ổn định trong lĩnh vực mạng, máy tính, viễn thông và các dịch vụ khác.
- Với việc kế thừa những kinh nghiệm quý báu và thương hiệu mạnh của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục, Công ty đã nhanh chóng thích nghi

với cơ chế thị trường, mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ.

❖ **Khó khăn:**

- Trong năm 2009, cũng như các doanh nghiệp khác của Việt Nam, Công ty đã chịu sự tác động không nhỏ của cuộc khủng hoảng kinh tế, làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đặc thù của ngành công nghệ thông tin như sự soán ngôi nhanh chóng của các công nghệ mới, cường độ cạnh tranh cao, rò rỉ bí quyết công nghệ... đặt ra rất nhiều thách thức đối với một Công ty có quy mô vừa và nhỏ.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của công ty trong ngành

Tốc độ phát triển của nền kinh tế ảnh hưởng đến sự phát triển của các ngành nói chung và ngành giáo dục nói riêng. Khi nền kinh tế có được sự tăng trưởng thì các nhu cầu về giáo dục và dân trí sẽ gia tăng, điều này thúc đẩy sự tăng trưởng cho các hoạt động kinh doanh trong ngành này. Vì vậy, ngành giáo dục đang là một trong những ngành đang được ưu tiên và phát triển trong thời gian tới.

Hiện tại, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang là đơn vị cung cấp các sản phẩm phần mềm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong toàn ngành giáo dục.

Với định hướng mới của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam là một tập đoàn kinh tế mạnh, đa ngành, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang có cơ sở để trở thành một đơn vị mũi nhọn của tập đoàn Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam không chỉ trong việc cung cấp các sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin mà còn ở nhiều lĩnh vực và thị trường khác trong cả nước.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Công nghệ thông tin là một trong những công cụ hỗ trợ hữu hiệu nhất, là động lực cho sự phát triển của mọi ngành nghề kinh tế cũng như sự phát triển chung của toàn xã hội. Chính vì vậy, mặc dù nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đang bị tác động mạnh bởi sự suy thoái của nền kinh tế toàn cầu nhưng nhu cầu về ứng dụng CNTT trong sản xuất và kinh doanh bị ảnh hưởng nhiều, thậm chí còn có thuận lợi hơn

bởi CNTT chính là một trong những giải pháp hữu hiệu để cắt giảm chi phí, nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất và kinh doanh. Bên cạnh đó, môi trường pháp lý, chính sách của nhà nước cùng với sự vận động của các doanh nghiệp đã tạo dựng nên một diện mạo mới cho ngành CNTT Việt Nam với những tiềm năng tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ.

Việt Nam là nước có sự cải thiện rất đáng kể về vị thế trên bản đồ CNTT thế giới: năm 2009, lần đầu tiên Việt Nam có mặt trong Top 10 quốc gia hấp dẫn nhất trong số 50 quốc gia về gia công phần mềm và có tên trong xếp hạng toàn cầu; năm 2009 cũng là năm đầu tiên Việt Nam ra khỏi Top 10 thế giới về vi phạm bản quyền phần mềm; về chỉ số phát triển CNTT, Việt Nam xếp hạng thứ 92/154. Do đó, CNTT là ngành luôn nhận được nhiều quan tâm và giá trị so với các ngành kinh tế khác và được nhà nước coi là một ngành kinh tế chủ lực và mũi nhọn.

Nguồn nhân lực, đây luôn là một nhu cầu cấp thiết của ngành CNTT Việt Nam và luôn là một trong những yếu tố quan trọng nhất thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững cho ngành CNTT. Trong thời gian qua, Chính phủ đã có nhiều chính sách cụ thể và thiết thực để tăng cường chất lượng và số lượng nguồn nhân lực CNTT như Chương trình quy hoạch phát triển nguồn nhân lực CNTT Việt Nam đến năm 2020 (theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ TT&TT số 05/2007/QĐ-BTTTT) và Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực CNTT đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 (theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 698/QĐ-TTg phê duyệt kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực CNTT đến năm 2015). Những quyết sách của Chính phủ cùng sự nỗ lực của các doanh nghiệp trong đào tạo và xây dựng nguồn nhân lực trong tương lai sẽ mang lại nền tảng vững chắc cho sự phát triển của CNTT trong thời gian tới.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Trên cơ sở xu hướng phát triển của CNTT tại Việt Nam, trên thế giới cũng như tiềm năng của ngành CNTT tại Việt Nam, Công ty định hướng chiến lược phát triển từ năm 2010 đến năm 2012 như sau:

- Các lĩnh vực kinh doanh chính trong các năm tới của Công ty là:
 - Dịch vụ tích hợp hệ thống;

- Thương mại và sản xuất các sản phẩm CNTT;
 - Dịch vụ phần mềm;
 - Kinh doanh điện tử (thương mại điện tử).
- Tiếp tục xây dựng và phát triển các dịch vụ CNTT chuyên nghiệp bao gồm: dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp, tích hợp hệ thống, cung cấp giải pháp IT chuyên ngành, dịch vụ phần mềm... Nâng cao tỷ trọng các dịch vụ CNTT chuyên nghiệp, có giá trị gia tăng cao.
 - Tiếp tục phát triển kinh doanh thương mại và sản xuất máy tính nhằm tăng doanh số và lợi nhuận.
 - Nghiên cứu và lựa chọn lĩnh vực phù hợp trong kinh doanh điện tử để đầu tư và phát triển. Ưu tiên các lĩnh vực phục vụ doanh nghiệp, phù hợp với định hướng chung của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
 - Tăng cường năng lực cốt lõi của Công ty như nguồn nhân lực, quy trình quản lý chất lượng, đặc biệt là hoạt động nghiên cứu và phát triển.
 - Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, làm nền tảng cho việc phát triển các dịch vụ kỹ thuật chuyên nghiệp, quy mô lớn.

Với phân tích về triển vọng phát triển ngành như trên thì định hướng phát triển của Công ty là phù hợp với chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới. Nó giúp Công ty đáp ứng được nhu cầu phát triển trong nước và luôn sẵn sàng hội nhập với nền kinh tế thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong công ty

Tại thời điểm 15/03/2010, tổng số lao động trong Công ty là 17 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

LOẠI LAO ĐỘNG	SỐ LƯỢNG (Người)
▪ Cán bộ có trình độ tiến sĩ	1
▪ Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học	11
▪ Cán bộ có trình độ cao đẳng và trung cấp	5
Tổng số	17

Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

9.2 Chính sách chế độ đối với người lao động

Công ty luôn đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động. Mức lương và thu nhập của người lao động ngày càng được nâng cao. Ngoài ra, Công ty còn có chính sách khen thưởng xứng đáng với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động để khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động và tăng doanh thu cho Công ty.

Bên cạnh yêu cầu cao khi tuyển dụng lao động mới, Công ty cũng luôn luôn chú trọng đến việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho nguồn nhân lực hiện có. Ngoài ra, Công ty cũng chủ động đầu tư và liên tục tổ chức, xây dựng các khóa đào tạo thích hợp cho cán bộ để thực hiện chương trình chuẩn hóa năng lực cán bộ.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 02 năm 2009, chi trả cổ tức năm 2008 là 10%/vốn điều lệ (3 tỷ đồng) bằng tiền mặt và thông qua phương án trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu là 20% trên vốn điều lệ (3 tỷ đồng), tương ứng với số tiền 600.000.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2009, Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2008 là 10%/vốn điều lệ và cổ tức bằng cổ phiếu năm 2009 là 20%/vốn điều lệ.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản:

❖ Trích khấu hao TSCĐ:

- Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định được phản ánh theo giá trị thực tế.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Cụ thể:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

(Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

❖ Chi phí khấu hao TSCĐ các năm như sau

Đơn vị tính: đồng

NĂM	2008	2009	Quý 1/2010
Chi phí khấu hao trong năm	72.811.325	98.978.417	38.171.865

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008 2009 và BCTC quý 1/2010 của CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

❖ Mức lương bình quân:

NĂM	2008	2009	Quý 1/2010
Tổng quỹ lương (đồng)	1.037.207.928	1.655.074.930	510.000.000
Mức lương bình quân/tháng (đồng/người/tháng)	4.801.888	6.269.223	6.800.000

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tăng trưởng đều qua các năm chứng tỏ chính sách đãi ngộ đối với người lao động và hiệu quả sử dụng lao động của Công ty là rất tốt.

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán 2009 Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):
 - Đối với hoạt động bán thiết bị máy tính: áp dụng thuế suất là 10%.
 - Đối với hoạt động xây dựng phần mềm, website và các dịch vụ phần mềm: thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp chung là 25% thay cho mức cũ 28% theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo quy định hiện hành, khoản thu nhập từ hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm của Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% trong vòng 9 năm kế tiếp và được hưởng thuế suất 10% trong vòng 15 năm đầu.

Đơn vị tính: đồng

NĂM	2008	2009	Quý 1/2010
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	29.752.425	100.198.373

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC quý 1/2010 của CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

- Các loại thuế khác:

Ngoài ra, các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Hiện tại, Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định của Nhà nước.

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định:**

Công ty thực hiện chia cổ tức và trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và luật định. Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty thực hiện trích lập các quỹ như: quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009
Lợi nhuận sau thuế	680.093.996	863.899.300
Trích lập các quỹ	126.150.000	312.228.855
<i>Trong đó:</i>		
Quỹ đầu tư phát triển	-	86.389.930
Quỹ dự phòng tài chính	31.650.000	88.744.630
Quỹ khen thưởng ban điều hành	31.500.000	45.694.965
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	63.000.000	91.399.330

(Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

Số dư trích lập các quỹ tại thời điểm 31/12/2009:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2009
Quỹ đầu tư phát triển	86.389.930
Quỹ dự phòng tài chính	120.394.630
Quỹ khen thưởng ban điều hành	45.694.965
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	59.448.834

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2009 của CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

❖ Tình hình công nợ hiện nay

▪ Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
Phải thu của khách hàng	97.789.929	454.221.355	1.809.398.140
Trả trước cho người bán	283.181.660	39.240.000	-
Tổng cộng	380.971.589	493.461.355	1.809.398.140

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC quý 1/2010 của CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

▪ Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
I	Nợ ngắn hạn	348.686.536	410.785.819	812.819.787
1	Phải trả người bán	126.685.048	148.500.400	505.557.345
2	Người mua trả tiền trước	186.829.857	-	1.562.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.841.265	39.602.292	137.384.867
4	Phải trả người lao động	-	198.599.981	120.837.029
5	Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.330.366	24.083.146	43.930.747
II	Nợ dài hạn	-	-	-

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và quý 1/2010 của CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

❖ Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

STT	Khoản mục	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
1	Đầu tư chứng khoán (*)	2.079.093.849	2.367.018.948	2.367.018.948
2	Cho vay vốn ngắn hạn (**)	1.000.000.000	5.000.000.000	7.000.000.000
3	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.000.000.000)	(180.000.000)	(180.000.000)
	Tổng cộng	2.079.093.849	7.187.018.948	9.187.018.948

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC quý 1/2010 của CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

Ghi chú: (*): Trong năm 2008, Công ty có khoản đầu tư chứng khoán niêm yết là 2.079.093.849 đồng và đã trích lập quỹ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn là 1.000.000.000 đồng. Đến năm 2009, Công ty đã hiện thực hoá một phần lớn lợi nhuận từ khoản đầu tư chứng khoán niêm yết trong năm 2008. Do đó, số dư khoản đầu tư chứng khoán niêm yết đến thời điểm 31/12/2009 của Công ty là 367.018.948 đồng và đã trích lập dự phòng khoản đầu tư này là 180.000.000 đồng. Đồng thời, trong năm 2009, Công ty còn mua 2.000.000.000 đồng cổ phiếu của Công ty cổ phần Sách – Thiết bị trường học Hà Tây (đơn vị thành viên thuộc Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam và là khách hàng truyền thống của Công ty).

(**): Đây là khoản Công ty cho Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Thiên Hoá. Cụ thể:

- Năm 2008: Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam vay số tiền 1 tỷ đồng với thời gian cho vay tối đa 12 tháng tính từ ngày 16/12/2008, lãi suất cho vay là 1% tháng, trường hợp cần thiết sẽ được điều chỉnh lãi suất theo thoả thuận bằng văn bản của hai bên.
- Năm 2009: Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Thiên Hoá vay số tiền 5 tỷ đồng với thời gian vay tối đa là 12 tháng từ ngày 25/12/2009 đến 25/12/2010, lãi suất cho vay là 12%/năm. Tiền lãi tính trên cơ sở tiền vay và thời gian vay thực tế.
- Quý 1/2010: Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Thiên Hóa vay số tiền 2 tỷ đồng với thời gian vay tối đa 12 tháng từ ngày 07/01/2010 đến ngày 07/01/2011, lãi suất cho vay là 12%/năm. Tiền lãi tính trên cơ sở tiền vay và thời gian vay thực tế. Tuy nhiên, đến ngày 12/04/2010, Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Thiên Hóa đã thanh toán hết số tiền vay là 7 tỷ đồng. Từ ngày 15/03/2010, 04 tỷ đồng đã được Công ty sử dụng để đầu tư theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/UTMBCK-VLA/2010 ngày 15/03/2010 giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang và Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Thiên Hóa.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2008	Năm 2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	10,64	28,11
- Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{\text{TSLĐ} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	Lần	10,49	27,64
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	9,18	3,50
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	10,23	3,65
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	Vòng	-	27,47
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	172,58	42,42
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2008	Năm 2009
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,38	17,36
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	19,95	7,67
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	17,91	7,36
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10,38	17,96

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008 và 2009 của CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

- **Về khả năng thanh toán:** Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn) là chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn trả nợ của Công ty. Chỉ số về khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty năm 2008 và 2009 luôn được duy trì ở mức xấp xỉ 10,64 lần và 28,11 lần. Với đặc thù ngành nghề kinh doanh là hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, Công ty chủ yếu sử dụng vốn tự có cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không có các khoản vay và nợ ngắn hạn. Điều này cho thấy Công ty luôn đảm bảo rất tốt khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của mình. Mặt khác, chỉ số khả năng thanh toán nhanh ($\{TSLĐ - \text{Hàng tồn kho}\} / \text{Nợ ngắn hạn}$) của Công ty trong năm 2008 và 2009 cũng ở mức cao là 10,49 lần và 27,64 lần.
- **Về cơ cấu vốn:** Trong năm 2009, Công ty đã tăng Vốn đầu tư của chủ sở hữu từ mức vốn ban đầu 03 tỷ lên 10,8 tỷ đồng, chính điều này đã khiến cho Hệ số Nợ/Tổng tài sản của Công ty giảm so với năm 2008.
- **Về khả năng sinh lời:** Năm 2009 Công ty tập trung nhiều vào mảng xây dựng, cung ứng phần mềm và dịch vụ phần mềm – mảng kinh doanh có chi phí thấp, lợi nhuận cao nên các chỉ số về khả năng sinh lời năm 2009 đều tăng so với năm 2008.

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

▪ Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT
2	Vũ Trung Chính	Thành viên HĐQT

3	Lê Thành Anh	Thành viên HĐQT
4	Lê Hoài Thanh	Thành viên HĐQT
5	Đặng Viết Mạnh	Thành viên HĐQT

▪ **Ban giám đốc**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Trung Chính	Giám đốc Công ty

▪ **Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng Ban kiểm soát
2	Trần Công Thanh	Thành viên Ban kiểm soát
3	Phạm Tuấn Anh	Thành viên Ban kiểm soát

▪ **Kế toán trưởng**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hoàng Thị Xuân Hòa	Kế toán trưởng

SƠ YẾU LÝ LỊCH TÓM TẮT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.

1. Nguyễn Thanh Tùng – Chủ tịch HĐQT

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 21/09/1977
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 012370268
- Quê quán : Đông Hà, Quảng Trị.
- Địa chỉ thường trú : B15 ngõ 191/46 Lạc Long Quân - Xuân La - Tây Hồ - Hà Nội.

- Điện thoại : 0902191977
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học Bách Khoa Hà Nội.
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
2001 - 2005	Cán bộ Phòng Công nghệ thông tin, Nhà xuất bản Giáo dục.
2005 - 2007	Cán bộ Ban Kế hoạch tài chính, Nhà xuất bản Giáo dục.
2007 - 2009	<ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc Công ty CP Đầu tư và phát triển Công nghệ Văn Lang. - Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và phát triển Công nghệ Văn Lang.
02/2009 - 11/2009	<ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc – Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và phát triển Công nghệ Văn Lang.
11/2009 - nay	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư tài chính Thiên Hóa. - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và phát triển Công nghệ Văn Lang.

- Số cổ phần nắm giữ : 326.400 cổ phần, chiếm 30,22 % vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 12.000 cổ phần (tương ứng 1,11% vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện phần vốn của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam: 108.000 cổ phần (tương ứng 10% vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện phần vốn của CTCP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa: 206.400 cổ phần (tương ứng 19,11% vốn điều lệ)

- Người có liên quan : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2. Vũ Trung Chính – Thành viên HĐQT – Giám đốc Công ty

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 30/03/1977

- Nơi sinh : Tân Thuật, Kiến Xương, Thái Bình
- Số CMND : 013027323
- Quê quán : Bình Minh, Kiến Xương, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : Số 7, ngõ 69A/131 phố Hoàng Văn Thái, tổ 46, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Khoa học máy tính
- Điện thoại : 0906 989 468
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
2000 - 2007	Nhân viên Phòng Công nghệ thông tin, Nhà xuất bản Giáo dục
2007 - 10/2009	Phó Giám đốc Công ty CP Đầu tư và phát triển Công nghệ Văn Lang.
11/2009 - 01/2010	Giám đốc Công ty CP Đầu tư và phát triển Công nghệ Văn Lang.
01/2010 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty CP Đầu tư và phát triển Công nghệ Văn Lang.

- Số cổ phần nắm giữ : 5.000 cổ phần, chiếm 0,46 % vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần (tương ứng 0,46% vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

- Người có liên quan : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

3. Đặng Viết Mạnh – Thành viên HĐQT

- Giới tính : Nam

- Ngày sinh : 16/11/1982
- Nơi sinh : Vĩnh Phú
- Số CMND : 013125480
- Quê quán : Yên Lập, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú : Phòng 203, Nhà D, TT Vật liệu điện, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học Bách Khoa Hà Nội
- Điện thoại : 0989382582
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
2006 - 2007	Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự, Nhà xuất bản Giáo dục
2007 – 2008	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang - Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang
11/2008 - 02/2009	<ul style="list-style-type: none"> - Phó phòng Phát triển phần mềm Công ty CP Đầu tư và phát triển Công nghệ Văn Lang. - Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang.
02/2009 - 09/2009	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư và phát triển Công nghệ Văn Lang - Phó phòng Phát triển phần mềm Công ty CP Đầu tư và phát triển Công nghệ Văn Lang
09/2009 - nay	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư và phát triển Công nghệ Văn Lang - Trưởng phòng Phát triển phần mềm Công ty CP

	Đầu tư và phát triển Công nghệ Văn Lang
--	---

- Số cổ phần nắm giữ : 10.000 cổ phần, chiếm 0,93% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần (tương ứng 0,93% vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

- Người có liên quan : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

4. Lê Thành Anh – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 21/11/1974
- Nơi sinh : Hà Bắc
- Số CMND : 012968200
- Quê quán : Lý Nhân, Hà Nam
- Địa chỉ thường trú : Bắc Linh Đàm–P.Đại Kim–Q.Hoàng Mai–Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Điện thoại : 0912214705
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
1990 - 1994	Sinh viên Trường ĐH Tài chính–Kế toán Hà Nội
1994 - 1998	Cán bộ Phòng Kế hoạch thị trường Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
1998 - 06/2004	Kế toán viên Phòng Kế toán Tài vụ NXBGD
06/2004 - 12/2005	Phó trưởng Ban Kế hoạch Tài chính NXBGD
12/2005 - 06/2007	Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính NXBGD

06/2007 - 01/2010	Thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát NXBGDVN
01/2010 - nay	- Thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát NXBGDVN - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

- Số cổ phần nắm giữ : 12.000 cổ phần, chiếm 1,11% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 12.000 cổ phần (tương ứng 1,11% vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Người có liên quan : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

5. Lê Hoài Thanh - Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 17/07/1980
- Nơi sinh : Phủ Yên, Thái Nguyên
- Số CMND : 013244034
- Quê quán : Phủ Yên, Thái Nguyên
- Địa chỉ thường trú : Số 5, ngách 4, ngõ 6, đường Chiến Thắng, Hà Đông, Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Công nghệ thông tin
- Điện thoại : 0984575456
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
2002 - 2006	Chuyên viên phần mềm – Cty CP Tin học Tân Dân

2006 - 2007	Chuyên viên Ban TKBT - NXBGDVN
12/2007 - 02/2009	Nhân viên Công ty CPĐT&PTCN Văn Lang
02/2009 - nay	- Trưởng Phòng Giải pháp ứng dụng - Thành viên HĐQT Cty CPĐT&PTCN Văn Lang

- Số cổ phần nắm giữ : 4.000 cổ phần, chiếm 0,37% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 4.000 cổ phần (tương ứng 0,37% vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Người có liên quan : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

6. Nguyễn Mạnh Hùng – Trưởng Ban kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 04/08/1978
- Nơi sinh : Ngô Đồng, Giao Thủy, Nam Định
- Số CMND : 013226530
- Quê quán : Ngô Đồng, Giao Thủy, Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 9B4b, Tổ 11, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Kế toán – Kiểm toán
- Điện thoại : 0913030218
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
1999 - 2003	Kế toán trưởng Công ty TNHH KD XNK Nam Phương

2003 - 2007	Kế toán trưởng Công ty TNHH XNK Nam Kỳ
2007 – 15/01/2010	Chuyên viên Ban Kế hoạch Tài chính NXBGDVN
15/01/2010 - nay	- Chuyên viên Ban Kế hoạch Tài chính NXBGDVN - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

- Số cổ phần nắm giữ : 2.000 cổ phần, chiếm 0,19% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phần (tương ứng 0,19% vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Người có liên quan : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

7. Trần Công Thanh – Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 18/09/1985
- Nơi sinh : Quảng Nam
- Số CMND : 205181432
- Quê quán : Điện Bàn, Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú : Điện Phước, Điện Bàn, Quảng Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Tại chức kinh tế
- Điện thoại : 0904412128
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
2008 - 01/2010	Cán bộ Công ty CP Đầu tư và Phát triển CN Văn Lang
01/2010 - nay	- Cán bộ Công ty CP Đầu tư tài chính Thiên Hóa

	- Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang
--	---

- Số cổ phần nắm giữ : 500 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 500 cổ phần (tương ứng 0,05% vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Người có liên quan :
 - Bà: **Trần Thị Loan**
 - Quan hệ: Chị gái
 - Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 500 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

8. Phạm Tuấn Anh – Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 25/10/1977
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND : 011772148
- Quê quán : Yên Lạc, Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú : Số 23 lô 6, Đền Lừ 2, Q. Hoàng Mai, Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Tin học
- Điện thoại : 0953374646
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
2001 - 2007	Chuyên viên Phòng Công nghệ thông tin - Nhà xuất

	bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN)
2008 - 2009	Chuyên viên Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (thuộc NXBGDVN)
15/01/2010 - nay	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (thuộc NXBGDVN) - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

- Số cổ phần nắm giữ : 1.000 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần (tương ứng 0,09% vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Người có liên quan :
 - Bà: Nguyễn Thị Thanh An
 - Quan hệ: Vợ
 - Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 800 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

9. Hoàng Thị Xuân Hòa – Kế toán trưởng

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 21/10/1974
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND : 012145687
- Quê quán : Đông Hưng – Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : 11 Ngõ 28 – Ngọc Khánh – Ba Đình - Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Điện thoại : 04.35121610

- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
1994 - 2002	Nhân viên phòng Kế toán, Nhà máy In Diên Hồng
2002 - 2006	Nhân viên phòng Kế toán, Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hà Nội
2007 - nay	Kế toán trưởng, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

- Số cổ phần nắm giữ : 5.000 cổ phần, chiếm 0,46% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần (tương ứng 0,46% vốn điều lệ)
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
- Người có liên quan : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

13. Tài sản

Giá trị tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 31/12/2008, 31/12/2009 như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	KHOẢN MỤC	Năm 2008			Năm 2009		
		Nguyên giá	GTCL	%GTCL /NG	Nguyên giá	GTCL	%GTCL /NG
1	Máy móc thiết bị	160.551.567	87.740.242	54,65%	357.032.610	185.242.868	51,88%
	Tổng cộng	160.551.567	87.740.242	54,65%	357.032.610	185.242.868	51,88%

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2008 và 2009 của CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011
----------	----------	----------

	Triệu đồng	% tăng giảm so với năm 2009	Triệu đồng	% tăng giảm so với năm 2010
Vốn điều lệ	10.800	0	10.800	0
Doanh thu thuần	8.000	60,76%	12.000	50%
Lợi nhuận trước thuế	2.300	157,36%	3.500	52,17%
Lợi nhuận sau thuế	2.000	131,51%	3.062	53,10%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	25,0%	-	25,5%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16,00%	-	21,12%	-
Cổ tức	16%	-	16%	-

Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

❖ **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:**

- Năm 2010 là năm được kì vọng thế giới thoát khỏi khủng hoảng. Theo đó, nền kinh tế Việt Nam cũng có những ảnh hưởng tích cực từ nền kinh tế thế giới.
- Đảng và Nhà nước luôn coi trọng sự nghiệp cải cách và phát triển giáo dục, đưa công nghệ thông tin vào ứng dụng trong ngành giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của đất nước. Đây là những điều kiện thuận lợi để Công ty phát triển, tập trung xây dựng chiến lược áp dụng công nghệ mới, tạo thêm nhiều sản phẩm phục vụ đa dạng nhu cầu của khách hàng. Qua đó, ngày càng khẳng định Công ty là một đơn vị mạnh về công nghệ thông tin trong ngành giáo dục.
- Hệ thống các đơn vị thành viên của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam không ngừng lớn mạnh, kéo theo nhu cầu sử dụng các sản phẩm của Công ty ngày càng tăng lên.
- Với định hướng phát triển năm 2010, ngoài những sản phẩm truyền thống trong những năm qua, Công ty đã và đang đầu tư xây dựng các sản phẩm mới (như: Phần mềm quản lý công văn, quản lý thư viện, quản lý trường học, sách điện tử, xây dựng trung tâm dữ liệu, cổng thông tin điện tử...) nhằm mở rộng tới các đối tượng khách hàng mới là các trường học và các Công ty Sách - Thiết bị trường học trong cả nước.

- Công ty luôn có chế độ đãi ngộ và đào tạo nguồn nhân lực nhằm tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Với đội ngũ lãnh đạo và cán bộ công nhân viên trẻ, trình độ chuyên môn cao, được đào tạo bài bản, năng động, nhiệt tình và đoàn kết là cơ sở để Công ty đạt được mọi mục tiêu đặt ra.
- Bên cạnh đó, năm 2010 Công ty vẫn tiếp tục được hưởng chế độ đãi ngộ về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với mảng kinh doanh phần mềm và các dịch vụ phần mềm.

DOANH THU THUẬN DỰ KIẾN NĂM 2010 CỦA CÔNG TY

STT	Mảng kinh doanh chính	Doanh thu dự kiến (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
1	Bảo trì hệ thống phần mềm	2.000	2010
2	Xây dựng phần mềm	2.000	2010
3	Kinh doanh thiết bị máy tính và dịch vụ bảo trì thiết bị	3.000	2010
4	Doanh thu từ hoạt động tài chính	1.000	2010
	Tổng cộng	8.000	

Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách của một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang, cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang đang hoạt động, chúng tôi nhận thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang là rất ổn định và có tiềm năng phát triển.

Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong những năm tới là có tính khả thi. Do đó, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty trong năm 2009 có thể đảm bảo thực hiện được. Trên thực tế, tỷ lệ trả cổ tức cho cổ đông sẽ được thực hiện dựa trên quyết định tại Đại hội đồng cổ đông.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ

đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- | | |
|---|--|
| 1. Loại chứng khoán | : Cổ phiếu phổ thông |
| 2. Mệnh giá | : 10.000 VND (Mười ngàn đồng)/cổ phần |
| 3. Tổng số chứng khoán niêm yết | : 1.080.000 (Một triệu không trăm tám mươi ngàn) cổ phần |
| 4. Tổng giá trị chứng khoán niêm yết | : 10.800.000.000 đồng (Mười tỷ tám trăm triệu đồng) |
| 5. Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng | |

5.1 Đối với cổ đông sáng lập

Theo quy định tại khoản 5, điều 84 của Luật Doanh nghiệp thì cổ phần của cổ đông sáng lập sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2007. Cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày thành lập. Tổng số lượng cổ phần bị hạn chế của đối tượng này là 132.000 cổ phần.

5.2 Đối với thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS, Kế toán trưởng

Theo điều 9 Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ, mục d quy định: Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc

hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

Như vậy số cổ phiếu mà các thành viên nêu trên sở hữu hoặc làm đại diện sẽ bị hạn chế chuyển nhượng. Số lượng cụ thể và thời gian hạn chế chuyển nhượng như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng đầu kể từ ngày niêm yết	Hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng tiếp theo
Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	326.400	326.400	163.200
<i>Trong đó:</i>				
- Sở hữu cá nhân		12.000	12.000	6.000
- Đại diện phần vốn góp của NXBGD Việt Nam		108.000	108.000	54.000
- Đại diện phần vốn góp của CTCP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa		206.400	206.400	103.200
Vũ Trung Chính	Thành viên HĐQT Giám đốc	5.000	5.000	2.500
Lê Hoài Thanh	Thành viên HĐQT	4.000	4.000	2.000
Lê Thành Anh	Thành viên HĐQT	12.000	12.000	6.000
Đặng Viết Mạnh	Thành viên HĐQT	10.000	10.000	5.000
Hoàng Thị Xuân Hòa	Kế toán trưởng	5.000	5.000	2.500
Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng BKS	2.000	2.000	1.000
Trần Công Thanh	Thành viên Ban KS	500	500	250
Phạm Tuấn Anh	Thành viên Ban KS	1.000	1.000	500
Tổng cộng		365.900	365.900	182.950

Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

6. Phương pháp tính giá

▪ **Giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2008:**

(Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

$$\text{Giá sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số CP đang lưu hành}} = \frac{3.409.526.003}{300.000} = 11.365 \text{ đồng/cổ phần}$$

▪ **Giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2009:**

(Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

$$\text{Giá sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số CP đang lưu hành}} = \frac{11.260.525.973}{1.080.000} = 10.426 \text{ đồng/cổ phần}$$

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Sau khi niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên Thị trường chứng khoán Việt Nam thì tổ chức, cá nhân nước ngoài mua bán trên SGDCK được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng. Trong trường hợp cổ đông nước ngoài đã nắm giữ vượt tỷ lệ 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng trước khi cổ phiếu được niêm yết thì phải thực hiện bán cổ phiếu đó để đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của bên nước ngoài tối đa là 49%.

Hiện nay, Công ty không có cổ đông là nước ngoài sở hữu cổ phiếu và Điều lệ Công ty không quy định giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người nước ngoài.

8. Các loại thuế có liên quan

7.1 Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất GTGT lần lượt là:

- Đối với hoạt động bán máy tính, linh kiện máy tính, bảo trì mạng: áp dụng thuế suất là 10%.
- Đối với hoạt động xây dựng phần mềm, website và các dịch vụ phần mềm: thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

7.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Căn cứ theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
- Căn cứ điểm 3b, mục III; điểm 1e, mục IV phần E Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN.
- Căn cứ công văn số 1857 TCT-PCCS ngày 30/05/2006 của Tổng Cục thuế về việc thuế suất thuế GTGT.
- Căn cứ điểm 3c Quyết định của Thủ tướng chính phủ số 128/2000/QĐ-TTg ngày 20/11/2000 về một số chính sách và biện pháp khuyến khích đầu tư và phát triển công nghiệp phần mềm.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm phần mềm, cung cấp các dịch vụ phần mềm (xây dựng hệ thống website về thông tin, quảng cáo; dịch vụ bảo trì hệ thống) thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo công văn của Tổng Cục thuế số 3054/CT-HTr ngày 18/03/2008. Cụ thể:

- Hưởng mức thuế suất thuế TNDN 10% áp dụng trong thời gian 15 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (ngày 07 tháng 11 năm 2007);
- Được miễn thuế 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ ngày 01/01/2008) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục ngành nghề, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

Các ngành nghề khác ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh không thuộc diện miễn giảm thuế TNDN, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp chung là 25% theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

7.3 Các loại thuế có liên quan

Các loại thuế, phí khác Công ty tuân thủ theo các quy định về thuế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long

Trụ sở : Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại : (84 – 4) 37 262 600

Fax : (84 – 4) 37 262 601

Website : www.thanglongsc.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty hợp danh kiểm toán Việt Nam

Trụ sở chính : Số 17, Lô 2C, Khu đô thị Trung Yên, Phố Trung Hòa, Tp.Hà Nội

Điện thoại : (84 – 4).37832121

Fax : (84 – 4).37832122

Website : www.cpvietnam.org

Email : hanoi@cpvietnam.org

VII. PHỤ LỤC

- Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Phụ lục II:** Điều lệ công ty phù hợp với điều lệ mẫu Công ty niêm yết
- Phụ lục III:** Bảng kê chi tiết tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2008 và 31/12/2009, báo cáo tài chính quý 1/2010
- Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008 và 2009 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang
- Phụ lục V:** Báo cáo kiểm toán vốn tại thời điểm 20/01/2010

- 6. Phụ lục VI:** Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng; Danh sách những người có liên quan
- 7. Phụ lục VI:** Một số cam kết của tổ chức đăng ký niêm yết
- 8. Các phụ lục khác**

